

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt Đề án giảm nghèo bền vững giai tỉnh Hà Tĩnh
giai đoạn 2016-2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2014/QH13, ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020; Nghị quyết số 100/2015/QH13, ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP, ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững cho 61 huyện nghèo;

Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg, ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg, ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

Thực hiện Nghị quyết 80/NQ-CP, ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011-2020; Quyết định số 204/QĐ-TTg, ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016; Quyết định số 75/QĐ-UBND, ngày 29 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016; Quyết định số 1559/QĐ-TTg, ngày 05 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1722/QĐ-TTg, ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 41/QĐ-TTg, ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Sau khi xem xét Tờ trình số 418/TTr-UBND, ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Phê duyệt “Đề án giảm nghèo bền vững tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2016-2020”, với những nội dung cơ bản như sau:

Điều 1. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; tiếp tục tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tự lực vươn lên phát triển kinh tế, có việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống, thụ hưởng các chính sách giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội. Tiếp cận một cách tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin); tăng cường đầu tư để nâng cao chất lượng kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo nhanh và bền vững, từng bước thu hẹp khoảng cách giữa các vùng trên địa bàn tỉnh, nhất là khu vực đặc biệt khó khăn miền núi, bãi ngang ven biển.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

a) Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2020 còn dưới 4,5%; tỷ lệ hộ cận nghèo còn dưới 5%;

b) Giai đoạn 2016 - 2017, mỗi năm giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 1,5-2%, giảm tỷ lệ hộ cận nghèo 1,% - 1,5 % (riêng các huyện nghèo, xã nghèo giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân mỗi năm từ 2,5% - 3%);

c) Giai đoạn 2018-2020 bình quân mỗi năm giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 1% - 1,5%, tỷ lệ hộ cận nghèo 1% (riêng các huyện nghèo, xã nghèo giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân mỗi năm từ 2 – 2,5%);

d) Phần đầu đến năm 2020 huyện Vũ Quang thoát khỏi tình trạng huyện đặc biệt khó khăn theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP;

đ) Phần đầu đến năm 2020 có 06 xã thoát khỏi tình trạng xã nghèo đặc biệt khó khăn bãi ngang ven biển và 9 xã nghèo đặc biệt khó khăn miền núi và biên giới;

e) Cơ bản người nghèo có việc làm, được cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống, nâng thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo tăng lên 1,5 lần so với cuối năm 2015 (riêng các hộ nghèo ở các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, xóm đặc biệt khó khăn vùng biên giới và miền núi, vùng bãi ngang ven biển tăng lên 02 lần);

g) 100% người nghèo, 100% người dân sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn được cấp thẻ Bảo hiểm y tế;

h) 100% người thuộc hộ cận nghèo được tham gia Bảo hiểm y tế và hàng năm được ngân sách tỉnh hỗ trợ 30% kinh phí để mua thẻ Bảo hiểm y tế;

i) 100% hộ nghèo có điều kiện phát triển sản xuất có nhu cầu được vay vốn tín dụng ưu đãi;

k) 100% con em hộ nghèo được hỗ trợ về giáo dục - đào tạo;

l) 90% người nghèo được tiếp cận với các dịch vụ thông tin;

m) 95% hộ nghèo được sử dụng nước hợp vệ sinh và vệ sinh môi trường; không còn hộ nghèo ở nhà tạm;

n) Xây dựng và nhân rộng 40 mô hình giảm nghèo bền vững ở các địa phương (bình quân mỗi năm 8 mô hình trong đó trung ương hỗ trợ 4 mô hình, địa phương 4 mô hình);

o) Giải quyết một cách cơ bản về cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở các huyện, nghèo, xã nghèo, thôn đặc biệt khó khăn theo tiêu chí nông thôn mới, trước hết là hạ tầng thiết yếu như: trường học, trạm y tế, đường giao thông, điện, nước sinh hoạt, cơ sở dịch vụ thông tin; tạo điều kiện cho người dân tham gia thực hiện các hoạt động của đề án.

Điều 2. Phạm vi

Đề án được thực hiện trên phạm vi tỉnh Hà Tĩnh; ưu tiên nguồn lực đầu tư cho huyện nghèo, xã nghèo (xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển; xã đặc biệt khó khăn vùng miền núi, xã biên giới và thôn đặc biệt khó khăn); khuyến khích các địa phương vận dụng các chính sách giảm nghèo đặc thù áp dụng cho đối tượng nghèo trên địa bàn bằng nguồn lực của địa phương.

Điều 3. Đối tượng

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; hộ nghèo dân tộc thiểu số, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

2. Người dân và cộng đồng trên địa bàn các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, xóm đặc biệt khó khăn.

3. Huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và cồn bãi, xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng miền núi, xã biên giới theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

4. Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 4. Nhiệm vụ

1. Tổ chức các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, người dân về giảm nghèo bền vững; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp.

2. Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ giảm nghèo, tăng thu nhập cho người nghèo: Hỗ trợ phát triển sản xuất; hỗ trợ dạy nghề gắn với việc làm, xuất khẩu lao động; vay vốn tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; hỗ trợ

về giáo dục và đào tạo; hỗ trợ về y tế; hỗ trợ về nhà ở; hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý; hỗ trợ tiền điện; hỗ trợ đột xuất.

3. Tiếp tục đầu tư đồng bộ hoàn thiện các công trình hạ tầng theo các dự án giảm nghèo đặc thù ở các huyện nghèo (huyện 30a); ở các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo (xã 106); ở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (xã 135).

4. Tiếp tục hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo, hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn, huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn ngoài chương trình 30a, chương trình 135 và chương trình 106 đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

5. Tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, thi đua khen thưởng trong quá trình thực hiện Đề án.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

Nguồn vốn thực hiện Đề án: 7.408,241 tỷ đồng, trong đó:

1. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách chung: 2.944,178 tỷ đồng (bình quân 1 năm: 288,835 tỷ đồng), gồm:

- a) Ngân sách trung ương: 2.537,573 tỷ đồng;
- b) Ngân sách địa phương 142,233 tỷ đồng;
- c) Huy động chương trình, dự án, cộng đồng khác: 264,372 tỷ đồng.

2. Thực hiện chính sách đặc thù: 1.225,988 tỷ đồng (bình quân 1 năm 245,197 tỷ đồng), gồm:

- a) Ngân sách Trung ương: 919.491 tỷ đồng;
- b) Ngân sách địa phương 91.949 tỷ đồng;
- c) Huy động cộng đồng, khác 214.558 tỷ đồng.

3. Vốn vay ngân hàng CSXH: 3.238,075 tỷ đồng.

Điều 6. Các giải pháp cụ thể

1. Giải pháp về tuyên truyền

a) Đẩy mạnh việc tuyên truyền mục tiêu giảm nghèo sâu rộng đến các cấp, các ngành, các tầng lớp dân cư và người nghèo nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức trong giảm nghèo, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người nghèo, tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả chính sách và nguồn lực hỗ trợ của nhà nước, của cộng đồng để thoát nghèo, vươn lên khá giả;

b) Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền để các cấp ủy, chính quyền và người dân đặc biệt là người nghèo hiểu rõ về quá trình chuyển đổi phương pháp tiếp cận nghèo từ đơn chiều sang đa chiều, chuẩn nghèo đa chiều và chuẩn nghèo chi tiêu/thu nhập sẽ được sử dụng song song và theo tinh thần Nghị quyết 15-NQ/TW và Nghị quyết 76/2014/QH13, chuẩn mức sống tối thiểu;

c) Xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”.

2. Giải pháp về cơ chế chính sách

a) Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chính sách giảm nghèo hiện hành nhằm tạo điều kiện để hộ nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập và tiếp cận các dịch vụ xã hội. Tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ của nhà nước, của cộng đồng để các hộ nghèo vươn lên thoát nghèo; thực hiện cơ chế hỗ trợ tạo sinh kế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo thông qua dự án (kế hoạch) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dựa trên quy hoạch của địa phương;

b) Hỗ trợ hộ nghèo thoát nghèo tiếp tục được hưởng các chính sách như hộ nghèo trong thời gian 2 năm; cấp giấy chứng nhận cho hộ thoát nghèo, khen thưởng hộ thoát nghèo hàng năm theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng.

3. Giải pháp về huy động nguồn lực

a) Đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí trung ương, cân đối nguồn kinh phí địa phương phân bổ hàng năm cho hoạt động của đề án có hiệu quả;

b) Đảm bảo tính xã hội hóa cao, nhằm huy động sức mạnh của cộng đồng xã hội để hỗ trợ có hiệu quả cho người lao động, người nghèo, hộ nghèo và vùng nghèo trong tỉnh. Đồng thời thực hiện tốt việc lồng ghép các chính sách, chương trình để giúp cho người nghèo có điều kiện tổ chức sản xuất, giải quyết việc làm, tăng thu nhập ổn định đời sống, góp phần đảm bảo an sinh xã hội;

c) Huy động nguồn lực tại chỗ thông qua tạo việc làm công, tăng cường sự giám sát của nhân dân nhằm phát huy hiệu quả các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu được đầu tư, góp phần giảm thiểu tác động của thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, cải thiện tiếp cận thị trường.

4. Giải pháp khác

a) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, tổ chức thực hiện tốt các chính sách, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tại địa phương;

b) Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, để giúp cán bộ có thêm kinh nghiệm làm công tác giảm nghèo;

c) Đẩy mạnh công tác quản lý, điều hành, thống nhất theo Nghị quyết số 100/2015/QH13, ngày 12/11/2015 của Quốc hội. Sắp xếp, thành lập Văn phòng giảm nghèo chuyên trách cấp tỉnh, đặt tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nhưng không tăng biên chế; bố trí bộ phận giúp việc theo dõi, tham mưu, điều phối thống nhất các hoạt động của đề án;

d) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện gắn với sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Đề án giảm nghèo bền vững;

đ) Làm tốt công tác thi đua, khen thưởng để kịp thời động viên những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp giảm nghèo bền vững trên địa bàn của tỉnh;

e) Giảm nghèo bền vững là một trong những vấn đề xã hội rất quan tâm, phải được triển khai thực hiện đúng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XVIII đã đề ra. Đây là nhiệm vụ quan trọng và có ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc; do vậy, các cấp, các ngành và các tổ chức hội, đoàn thể trong tỉnh tập trung huy động mọi nguồn lực, phấn đấu sớm đưa Nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh Khoá XVII, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 15 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm T.Tin VP HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học VP UBND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu. 

CHỦ TỊCH

Lê Đình Sơn